

CƠ SỞ TRIẾT HỌC NGHIÊN CỨU MỐI QUAN HỆ GIỮA TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

BÙI VĂN DŨNG (*)

Tóm tắt: Tăng trưởng kinh tế kết hợp với bảo vệ môi trường sống hiện đang là lựa chọn tối ưu trong chiến lược phát triển bền vững của các quốc gia, trong đó có Việt Nam. Cơ sở lý luận đúng đắn nhất của đường lối đó chỉ có thể là triết học Mác - Lênin. Theo đó, để giải quyết các vấn đề nảy sinh từ mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và bảo vệ môi trường, chúng ta cần: một là, có quan điểm hệ thống, toàn diện và phát triển khi nghiên cứu vấn đề này; hai là, cần dựa vào bản chất của chế độ xã hội và sự phát triển của khoa học, công nghệ hiện đại; ba là, điều khiển hoạt động có ý thức của con người với tư cách chủ thể trong quá trình tác động vào tự nhiên.

Ngày nay, thế giới của chúng ta đã có những thành tựu vĩ đại về khoa học và công nghệ mà nhờ đó, loài người đạt được sự tăng trưởng kinh tế không ngừng. Song, thế giới cũng đang phải đối mặt với những vấn đề hết sức nghiêm trọng có tính toàn cầu. Một trong số đó là vấn đề ô nhiễm môi trường và sự cạn kiệt tài nguyên. Tình trạng này đang đặt loài người trước sự "trả thù của giới tự nhiên" như từ lâu Ph.Ăngghen đã từng cảnh báo và đang đe dọa chính sự tồn tại của bản thân Trái đất. Do vậy, loài người muốn tồn tại và phát triển một cách hài hòa với giới tự nhiên, cần phải có những giải pháp kịp thời và hữu hiệu để giải quyết những vấn đề môi trường. Điều này đã thúc đẩy các nhà lãnh đạo cũng như các nhà khoa học, các chuyên gia nghiên cứu về môi trường và phát triển quan tâm nhiều đến mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và bảo vệ môi trường. Vì xét đến cùng, mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và bảo vệ môi trường chính là mối quan hệ giữa xã hội và giới tự nhiên.

Vấn đề môi trường, vấn đề quan hệ giữa con người và giới tự nhiên không đơn giản chỉ là vấn đề thuần túy khoa học hay kinh tế - kỹ thuật, nó còn là vấn đề mang tính giai cấp, vấn đề tư tưởng, vấn đề chính trị...

Do vậy, các khoa học xã hội, đặc biệt là triết học, có nhiệm vụ làm cho mọi người nhận thức rõ trách nhiệm bảo vệ môi trường, cần làm cho mọi người thấy được rằng việc bảo vệ môi trường không chỉ liên quan đến thế hệ này mà còn liên quan đến các thế hệ mai sau. Triết học có nhiệm vụ giải quyết vấn đề phương pháp luận về sự tác động qua lại giữa các khoa học trong việc nghiên cứu vấn đề con người và môi trường, góp phần xây dựng ý thức đúng đắn của con người trong quan hệ với giới tự nhiên.

Mối quan hệ giữa hoạt động của con người và bảo vệ môi trường đã từng được các nhà tư tưởng và các nhà khoa học ở những giai đoạn phát triển khác nhau của xã hội quan tâm nghiên cứu. Tùy theo điều kiện lịch sử mà những nghiên cứu ấy được tiến hành từ các góc độ khác nhau.

Nhìn chung, các tư tưởng triết học trước Mác, cả ở phương Đông và phương Tây, về mối quan hệ giữa con người với giới tự nhiên có nhiều yếu tố tích cực, nhưng cơ bản còn mang tính duy tâm và siêu hình. Kế thừa những tư tưởng tích cực, khắc phục những hạn chế, ngay từ giữa thế kỷ XIX, khi xem xét mối quan hệ giữa con

(*) Tiến sĩ, Phó trưởng phòng Quản lý Khoa học và Thiết bị, Đại học Vinh.

người và giới tự nhiên, C.Mác và Ph.Ăngghen đã đưa ra những tư tưởng đúng đắn dựa trên các căn cứ khoa học và lịch sử vững chắc về mối quan hệ đó. Một trong những tư tưởng đó đã được lịch sử xã hội loài người khẳng định là xã hội không thể tồn tại và phát triển, nếu không có quá trình thường xuyên sản xuất và tái sản xuất xã hội. Theo các ông, hoạt động sản xuất là đặc trưng riêng của con người và xã hội loài người.

Sản xuất vật chất chính là quá trình hoạt động có mục đích của con người, là quá trình con người sử dụng công cụ lao động tác động vào giới tự nhiên, cải biến các dạng vật chất của giới tự nhiên để tạo ra của cải vật chất phục vụ cho đời sống của con người và cho xã hội. Sản xuất vật chất được thực hiện trong quá trình lao động. Chính C.Mác là người đầu tiên đã tìm ra quy luật phát triển của lịch sử loài người, nghĩa là tìm ra cái sự thật giản đơn rằng "... con người trước hết cần phải ăn, uống, chỗ ở và mặc đã rồi mới có thể làm chính trị, khoa học, nghệ thuật, tôn giáo và v.v.." (1).

Con người phải sản xuất vật chất, đó là yêu cầu khách quan của sự sinh tồn xã hội. Con người không thể thoả mãn nhu cầu của mình bằng những cái đã có sẵn trong giới tự nhiên. Để duy trì và ngày càng nâng cao đời sống của mình, con người phải tiến hành sản xuất của cải vật chất; nếu không có sản xuất thì xã hội tiêu vong. Vì thế, sản xuất của cải vật chất là điều kiện cơ bản của mọi xã hội, là một hành động lịch sử mà hiện nay cũng như hàng ngàn năm trước đây người ta vẫn phải tiến hành từng ngày, từng giờ cốt để duy trì cuộc sống của con người. Và, chính trong quá trình này mối quan hệ giữa giới tự nhiên, con người và xã hội hình thành. Tuy xuất hiện vào những thời điểm khác nhau nhưng các yếu tố giới tự nhiên, con người, xã hội bao giờ cũng tồn

tại trong sự thống nhất biện chứng, bởi vì "chùng nào mà loài người còn tồn tại thì lịch sử của họ và lịch sử tự nhiên quy định lẫn nhau" (2).

Con người và xã hội tồn tại trong lòng giới tự nhiên. Và, lao động của con người là hạt nhân của sự thống nhất biện chứng giữa xã hội và giới tự nhiên. Sự thống nhất đó được biểu hiện trong bản chất của con người. Các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác đã khẳng định: "... con người ta, do bản tính, nếu không phải là một động vật chính trị như Aristốt nói, thì đầu sao cũng là một động vật xã hội" (3).

Như vậy, theo C.Mác và Ph.Ăngghen, giữa xã hội và giới tự nhiên, giữa con người và môi trường có mối quan hệ chặt chẽ. Trước hết, con người chỉ có thể tồn tại và phát triển ở trong xã hội; mặt khác, con người là "một bộ phận của giới tự nhiên", là sản phẩm cao nhất của giới tự nhiên, sống dựa vào giới tự nhiên, nằm trong lòng của giới tự nhiên, gắn với giới tự nhiên bằng trăm nghìn mối dây liên hệ. "Giới tự nhiên – cụ thể là cái giới tự nhiên trong chùng mực bản thân nó không phải là *thân thể* của con người - là *thân thể vô cơ* của con người. Con người *sống* bằng giới tự nhiên. Như thế nghĩa là giới tự nhiên là *thân thể* của con người, thân thể mà với nó con người phải ở lại trong quá trình thường xuyên giao tiếp để tồn tại. Nói rằng đời sống thể xác và tinh thần của con người gắn liền với giới tự nhiên, nói như thế chẳng qua chỉ có nghĩa là giới tự nhiên gắn liền với bản thân giới tự nhiên, vì con người là một bộ phận của giới tự nhiên" (4). Đồng thời, xét theo nghĩa rộng của thuật ngữ "giới tự nhiên" thì xã hội cũng là bộ phận của giới tự nhiên. Ở đây, mối

(1) C.Mác và Ph.Ăngghen. *Toàn tập*, t.19. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, tr. 500.

(2) C.Mác và Ph.Ăngghen. *Sđđ.*, t.3, tr. 25.

(3) C.Mác và Ph.Ăngghen. *Sđđ.*, t.23, tr. 474.

(4) C.Mác và Ph.Ăngghen. *Sđđ.*, t.42, tr. 135.

quan hệ giữa xã hội và giới tự nhiên giống như quan hệ giữa bộ phận và toàn thể. Song, C.Mác và Ph.Ăngghen không dừng lại ở đó. Theo các ông, con người và xã hội không phải là những bộ phận bình thường mà là những bộ phận đặc biệt của cái toàn thể. Những bộ phận ấy, một mặt, tuân theo các quy luật của giới tự nhiên; mặt khác, tuân theo những quy luật của bản thân chúng, có bản chất riêng của chúng. Cùng với thời gian, trong những chừng mực nhất định, những bộ phận ấy ngày càng phát triển, ngày càng hoàn thiện, do đó, càng có nhiều khả năng quyết định tính chất, chiều hướng biến đổi của cái toàn thể kia, tức là của giới tự nhiên. Ở đây, hoạt động có ý thức của con người đóng vai trò đặc biệt quan trọng và vai trò đó ngày càng tăng lên, thậm chí quyết định sự tồn tại và chiều hướng phát triển của chính mình cũng như của giới tự nhiên.

Quan trọng hơn nữa, C.Mác đã xét sự thống nhất giữa con người và giới tự nhiên như một vấn đề xã hội, vì "bản chất *con người* của tự nhiên chỉ tồn tại đối với con người *xã hội*; vì chỉ có trong xã hội, tự nhiên đối với con người mới là một cái *khâu liên hệ con người với con người*"(5). Sự thống nhất đó không phải là sự thống nhất trong trạng thái tĩnh lặng mà luôn sống động, là một quá trình lịch sử luôn biến đổi và phát triển không ngừng. Nó được thực hiện thông qua lao động của con người trong quá trình sản xuất vật chất, thông qua thực tiễn.

Lịch sử của giới tự nhiên và lịch sử của xã hội loài người là hai giai đoạn trong quá trình phát triển của thế giới vật chất. Điều này đã được chứng minh bằng những thành tựu của khoa học và công nghệ hiện đại. Vì vậy, mối quan hệ giữa "Tự nhiên - Con người - Xã hội là một bộ phận không thể tách rời của thế giới vật chất, nhưng là một bộ phận lớn nhất, bao trùm nhất đối

với sự sống con người. Cơ sở thống nhất của hệ thống này được quy định bởi cấu trúc chặt chẽ, liên hoàn của sinh quyển và bởi cơ chế hoạt động theo nguyên tắc tự tổ chức, tự bảo vệ, tự điều chỉnh, tự làm sạch của chu trình sinh học hay chu trình trao đổi vật chất, năng lượng và thông tin của sinh quyển"(6). Do đó, *điều đầu tiên* chúng ta rút ra là phải có quan điểm hệ thống, quan điểm toàn diện và phát triển trong việc nghiên cứu và giải quyết các vấn đề nảy sinh từ mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và bảo vệ môi trường.

Khi nghiên cứu lịch sử xã hội loài người, khác với những người đi trước, C.Mác và Ph.Ăngghen đã xuất phát từ những tiền đề đầu tiên - đó là sự tồn tại của những con người sống và sự tác động của họ lên phần còn lại của giới tự nhiên nhằm thoả mãn nhu cầu của mình. Các ông cho rằng, mọi hoạt động của con người trong lịch sử xã hội đều phải dựa trên những cơ sở, tiền đề vật chất nhất định. *Trước hết*, đó là những điều kiện vật chất duy trì chính sự tồn tại và phát triển của bản thân con người. *Thứ hai*, trong quá trình sản xuất, con người không chỉ tạo ra của cải vật chất cho sự tồn tại của bản thân, mà còn thực hiện quá trình sản xuất và tái sản xuất những quan hệ xã hội của mình, những quan hệ sản xuất.

Theo quan niệm của chủ nghĩa duy vật lịch sử, để tiến hành sản xuất vật chất, con người vừa phải quan hệ với giới tự nhiên nhằm biến đổi giới tự nhiên, quan hệ đó được biểu hiện ở lực lượng sản xuất; vừa phải quan hệ với nhau trong quá trình sản xuất, biểu hiện ở quan hệ sản xuất. Đây là quan hệ "kép" mang tính khách quan, phổ biến trong lịch sử sản xuất vật chất của nhân loại. Lực lượng sản xuất và

(5) C.Mác và Ph.Ăngghen. *Sđd.*, t.42, tr. 170.

(6) Phạm Thị Ngọc Trâm. *Môi trường sinh thái: Vấn đề và giải pháp*. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1997, tr.79.

quan hệ sản xuất là hai mặt thống nhất trong một phương thức sản xuất.

Mỗi hình thái kinh tế - xã hội hay ở từng nấc thang lịch sử xã hội nhất định đều có một phương thức sản xuất đặc trưng riêng. Chủ nghĩa duy vật lịch sử khẳng định rằng, lịch sử xã hội loài người là lịch sử phát triển, kế tiếp nhau của các phương thức sản xuất vật chất: Cộng sản nguyên thủy, chiếm hữu nô lệ, phong kiến, tư bản chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa. Lực lượng sản xuất là nội dung của một phương thức sản xuất nhất định, là sự biểu hiện cụ thể, là thước đo trình độ phát triển của xã hội. Nói khác đi, lực lượng sản xuất là tiêu chuẩn căn bản để phân biệt sự khác nhau giữa các thời đại kinh tế, kỹ thuật trong lịch sử. C.Mác viết: "Những thời đại kinh tế khác nhau không phải ở chỗ chúng sản xuất ra cái gì, mà là ở chỗ chúng sản xuất bằng cách nào, với những tư liệu lao động nào"(7). Trình độ lực lượng sản xuất thể hiện trình độ chinh phục giới tự nhiên của con người trong từng giai đoạn lịch sử nhất định, do đó, nó là thước đo năng lực thực tiễn của con người trong quá trình cải tạo giới tự nhiên nhằm bảo đảm sự sinh tồn và phát triển của loài người. Trong quá trình phát triển của xã hội, lực lượng sản xuất không ngừng biến đổi và hoàn thiện dần. Các cuộc cách mạng trong lực lượng sản xuất không chỉ tạo ra những bước nhảy vọt về chất trong bản thân lực lượng sản xuất, làm thay đổi không ngừng tính chất của mối quan hệ giữa con người và giới tự nhiên, mà còn quyết định các bước chuyển biến cách mạng trong lịch sử xã hội, đưa xã hội từ nền văn minh này sang nền văn minh, cao hơn.

Chế độ xã hội quy định tính chất, mục tiêu, phương hướng của con người trong quá trình tác động vào giới tự nhiên. Do vậy, điều thứ hai chúng ta cần rút ra là, việc giải quyết những vấn đề nảy sinh từ

mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và bảo vệ môi trường phải dựa vào bản chất của chế độ xã hội, cũng như phải dựa vào các thành tựu của khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật và khoa học nhân văn cùng với sự hợp tác chặt chẽ, tự giác vì lợi ích chung của tất cả các quốc gia trên hành tinh, của toàn thể loài người.

Bằng hoạt động thực tiễn, trước hết là hoạt động sản xuất vật chất, con người đã khai thác, sử dụng và làm biến đổi mạnh mẽ giới tự nhiên nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của con người và xã hội. Song, trong quá trình đó, con người cũng đã để lại nhiều hậu quả tiêu cực, nặng nề cho môi trường tự nhiên. Những vấn đề môi trường gay gắt và nguy cơ khủng hoảng sinh thái mang tính chất toàn cầu đang đe dọa không chỉ sự sống của giới tự nhiên, mà cả sự sống còn của xã hội. Có thể nói, vấn đề môi trường hiện nay là hết sức cấp thiết, buộc con người phải suy nghĩ và hành động ngay khi chưa quá muộn. Trong lịch sử xã hội từng có những nền văn minh một thời phát triển rực rỡ, huy hoàng, nhưng đã phải tiêu vong do sự tác động quá mức của con người đối với môi trường tự nhiên. Điển hình trong số đó là nền văn minh Mayas mà "lý do làm cho nền văn minh này sụp đổ sau hơn 15 thế kỷ hưng thịnh là nền độc canh và đốt rừng tràn lan để lấy đất làm rẫy. Cả hai phương thức đó làm cho đất đai bạc màu, gây hạn hán, lụt lội và phá hủy mùa màng. Vì vậy, nền đài đồ sộ của người Mayas còn đó nhưng có gì để nuôi sống họ nữa đâu. Thế là một trang sử đã bị lật qua và người Mayas phải chịu cảnh phiêu bạt, bị đế quốc khác thống trị"(8).

Ngày nay, trong nền văn minh công nghiệp và hậu công nghiệp, điều gì sẽ xảy ra

(7) C.Mác và Ph.Ăngghen. *Sđd.*, t.23, tr. 269.

(8) Nguyễn Trọng Chuẩn. *Những tư tưởng của Ph.Ăngghen về quan hệ giữa con người và tự nhiên trong "Biện chứng của tự nhiên"*. Tạp chí Triết học, số 4, 1980, tr. 127.

nếu như bùng nổ một cuộc khủng hoảng sinh thái trên quy mô toàn cầu? Điều gì đã xảy ra trong quá khứ thì rất có thể cũng sẽ xảy ra trong hiện tại và tương lai, nếu như con người không chịu thay đổi chiến lược phát triển của mình. Có nghĩa là, giới tự nhiên sẽ trả thù con người nếu như con người vẫn tiếp tục tác động một cách vô ý thức, gây ra những tổn thất cho nó(9). Ph.Ăngghen đã nhắc nhở rằng, chúng ta không nên quá tự hào về những thắng lợi của mình trước giới tự nhiên, bởi vì cứ mỗi lần ta đạt được một thắng lợi, là mỗi lần giới tự nhiên trả thù lại chúng ta. Và, tương tự như vậy, C.Mác cũng đưa ra nhận định cho rằng, nếu con người tiến hành việc canh tác một cách tự phát mà không *được hướng dẫn một cách có ý thức* thì cái để lại sau hành động đó sẽ chỉ là đất hoang. Bởi vậy, "sự tác động một cách có ý thức lên tự nhiên hay sự điều khiển có ý thức mối quan hệ giữa con người và tự nhiên ngày nay, hơn lúc nào hết đang được đặt ra hết sức nghiêm túc và cấp bách. Vậy, thực chất điều khiển một cách có ý thức mối quan hệ giữa con người và giới tự nhiên là thế nào?"(10). Hơn một thế kỷ trước, Ph.Ăngghen đã đưa ra chỉ dẫn khái quát rằng, "tất cả sự thống trị của chúng ta đối với giới tự nhiên là ở chỗ chúng ta, khác với tất cả các sinh vật khác, là chúng ta nhận thức được quy luật của tự nhiên và có thể sử dụng được những quy luật đó một cách chính xác"(11).

Do đó, "... để điều khiển được mối quan hệ giữa con người và tự nhiên, trước hết phải nhận thức được những quy luật tồn tại và phát triển của giới tự nhiên và sau đó, phải biết vận dụng một cách đúng đắn, chính xác những quy luật đó vào quá trình hoạt động thực tiễn của xã hội, mà quan trọng nhất là vào lĩnh vực sản xuất ra của cải vật chất. Lịch sử xã hội đã chứng tỏ rằng, quá trình phát triển của xã hội là quá trình con người không ngừng phát triển lực lượng sản xuất, phát triển và

hoàn thiện dần công cụ sản xuất, điều đó có nghĩa là con người đã không ngừng tấn công vào tự nhiên, đồng hóa các đối tượng của tự nhiên, biến chúng thành sức mạnh của xã hội"(12). Dùng khoa học, kỹ thuật và công nghệ, con người đã khai thác và biến đổi giới tự nhiên, đồng thời cũng làm nảy sinh những mâu thuẫn sâu sắc giữa xã hội và giới tự nhiên. Ngày nay, cũng chỉ bằng cách dùng khoa học, kỹ thuật và công nghệ, con người mới có thể quay về với cội nguồn của mình là giới tự nhiên, sống hài hòa thực sự với giới tự nhiên, trong một môi trường sống mới - Trí tuệ quyền, trên cơ sở hiểu biết sâu sắc những quy luật của giới tự nhiên và điều khiển một cách có ý thức mối quan hệ giữa con người và giới tự nhiên. Và, *điều thứ ba* chúng ta rút ra là, bằng sự điều khiển một cách có ý thức mối quan hệ giữa con người và giới tự nhiên, con người có thể giải quyết được những vấn đề nảy sinh trong mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và bảo vệ môi trường.

Mối quan hệ giữa con người và giới tự nhiên từ lâu đã là đối tượng nghiên cứu của nhiều triết gia, nhiều trường phái. Các trường phái triết học trước Mác đã để lại những giá trị gợi mở đối với việc nhận thức mối quan hệ giữa con người và tự nhiên. Song, những quan điểm khoa học và biện chứng của triết học mácxít luôn là cơ sở lý luận và phương pháp luận cho việc nghiên cứu mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và bảo vệ môi trường. Sự phát triển của xã hội loài người ngày nay đang hướng đến các mục tiêu cơ bản: phồn thịnh về kinh tế, công bằng, bình đẳng về xã hội và môi trường trong lành. Chỉ có hướng theo các mục tiêu đó, xã hội mới có thể đạt đến sự phát triển bền vững.□

(9) Xem: Phạm Thị Ngọc Trâm. *Sdd.*, tr. 110 - 111.

(10) Phạm Thị Ngọc Trâm. *Sdd.*, tr. 111.

(11) C.Mác và Ph.Ăngghen. *Sdd.*, t. 20, tr. 655.

(12) Phạm Thị Ngọc Trâm. *Sdd.*, tr. 112.